

Xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam: giá trị tư tưởng pháp trị của Lê Thánh Tông

Nguyễn Hải Thanh*

Nhận ngày 5 tháng 01 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Tóm tắt: Bài viết phân tích tư tưởng Lê Thánh Tông về xây dựng nhà nước pháp trị, nhấn mạnh vai trò của pháp luật trong việc đảm bảo sự ổn định và phát triển đất nước. Lê Thánh Tông đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của quan lại, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và thực thi quyền lực nhà nước, xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, quyền lực nhà nước vận hành theo pháp luật. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất vận dụng tư tưởng Lê Thánh Tông vào xây dựng nhà nước pháp quyền, gồm: hoàn thiện hệ thống pháp luật, vận hành hiệu quả bộ máy hành chính và cơ chế trách nhiệm của người đứng đầu, thúc đẩy dân chủ hóa, phát huy vai trò nhân dân, tăng cường kiểm tra, giám sát với người có chức quyền. Nghiên cứu khẳng định, giá trị lịch sử của tư tưởng Lê Thánh Tông về xây dựng nhà nước pháp trị là nền tảng quan trọng trong cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Từ khoá: Tư tưởng Lê Thánh Tông, nhà nước pháp trị, nhà nước pháp quyền.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: The article analyzes Lê Thánh Tông's ideology on building a rule by law state, emphasizing the value of building a rule by law state in stabilizing and developing the country. Lê Thánh Tông attached importance to mandarins' civil service ethics, establishing a mechanism for inspection, supervision and enforcement of state power, and building a complete legal system, with the state power operated in line with law. On that basis, it proposes the application of this ideology in the context of building a rule of law state, which includes completing the legal system, operating effectively the administrative apparatus, and the mechanism of "the leader's responsibility", boosting democratization, bringing the people's role into play, and strengthening the inspection and supervision of people with positions and powers. The study affirms the historical value of Lê Thánh Tông's ideology on building a rule by law state as an important foundation for judicial reform and building a rule of law state in Vietnam.

Keywords: Lê Thánh Tông's ideology, rule by law state, rule of law state.

Classification of discipline: Political Science

1. Đặt vấn đề

Lê Thánh Tông (1442-1497), vị vua nổi bật trong triều đại Lê Sơ (1428-1527). Trong thời gian trị vì đất nước Đại Việt, Lê Thánh Tông để lại nhiều dấu ấn về chính trị, kinh tế, văn hóa, các chiến công quân sự, chính sách quản trị đất nước mang tầm chiến lược, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của xã hội phong kiến Việt Nam, giúp ổn định chính trị, kinh tế, nâng cao đời sống của người dân, đặc sắc nhất là tư tưởng xây dựng nhà nước pháp trị. Với việc xây dựng hệ thống pháp luật và củng cố quyền lực nhà nước có ý nghĩa quan trọng vào sự phát triển của hệ thống điều hành nhà nước trong lịch sử Việt Nam hiện nay. Dấu ấn nổi bật là biên soạn và ban hành Bộ luật Hồng Đức (1483). Thực chất, Bộ luật Hồng Đức không

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: thanhhaitlh@gmail.com

phải do Lê Thánh Tông sáng tạo ra, không được xây dựng riêng trong thời gian ông trị vì (1470-1497), đó là sản phẩm của thời kỳ phát triển cực thịnh của chế độ phong kiến tập quyền Việt Nam. Công lao của Lê Thánh Tông là san định các luật lệ của những triều vua trước để hoàn thành xây dựng bộ pháp điển (Phạm Thị Hồng Đào, 2017). Tuy vậy, Bộ luật được xem hoàn chỉnh, có ảnh hưởng lâu dài trong lịch sử Việt Nam cho đến hiện tại, thể hiện tư tưởng tiến bộ vượt bậc về nhà nước pháp trị, tạo cơ sở thực tiễn cho nghiên cứu và áp dụng trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Việt Nam đang tiến hành xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng pháp trị Lê Thánh Tông để xướng có thể cung cấp hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn có giá trị to lớn giúp phát triển hệ thống pháp luật, củng cố nền tảng pháp lý vững chắc và nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan nhà nước trong thực thi quyền lực, bảo vệ công lý. Tuy nhiên, quá trình vận dụng tư tưởng Lê Thánh Tông vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam do nhận thức lịch sử khác nhau nên quá trình vận dụng tư tưởng pháp trị của Lê Thánh Tông đặt ra nhiều thách thức và yêu cầu thích ứng với điều kiện xã hội và bối cảnh chính trị Việt Nam hiện nay. Vấn đề này đặt ra câu hỏi về tính khả thi và cách thức vận dụng tư tưởng xây dựng nhà nước pháp trị của Lê Thánh Tông vào thực tiễn, cũng như sự hòa hợp giữa các giá trị truyền thống và các yêu cầu của nhà nước pháp quyền hiện đại. Bài viết phân tích và kiến giải tư tưởng Lê Thánh Tông về xây dựng nhà nước pháp trị, thảo luận về sự vận dụng của tư tưởng của Lê Thánh Tông về xây dựng nhà nước pháp trị vào điều kiện thực tiễn Việt Nam trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền.

Dưới góc độ lịch sử - chính trị, bài viết xem xét tư tưởng pháp trị trong quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến tập quyền, nhấn mạnh vai trò của pháp luật trong quản trị quốc gia. Tiếp cận theo hướng phân tích chính sách, làm rõ nguyên tắc vận hành quyền lực, cơ chế giám sát quan lại, tổ chức bộ máy hành chính dưới thời Lê Thánh Tông, đồng thời đối chiếu với các tiêu chí của nhà nước pháp quyền hiện đại. Cách tiếp cận so sánh chính trị giúp đặt tư tưởng pháp trị của Lê Thánh Tông trong tương quan với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, xác định giá trị kế thừa, sự vận dụng theo điều kiện thực tiễn. Từ các tiếp cận trên, phương pháp nghiên cứu của khoa học chính trị được thực hiện để phân tích tư tưởng pháp trị của Lê Thánh Tông, sự vận dụng vào xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam. Phương pháp lịch sử được sử dụng nhằm tái hiện bối cảnh hình thành và phát triển của tư tưởng pháp trị thời Lê Sơ, từ đó làm rõ những yếu tố nền tảng trong cách thức cai trị đất nước. Phương pháp phân tích chính sách nhằm xác định cách thức vận hành quyền lực nhà nước, cơ chế kiểm soát quan lại, việc thực thi pháp luật dưới thời Lê Thánh Tông. Ngoài ra, phương pháp so sánh chính trị được áp dụng để đối chiếu tư tưởng pháp trị của Lê Thánh Tông với các mô hình lãnh đạo hiện nay. Đồng thời, với tiếp cận thể chế nhằm phân tích lý luận, đánh giá tác động thực tiễn, từ đó đề xuất các giải pháp vận dụng phù hợp với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay.

2. Tư tưởng Lê Thánh Tông về xây dựng nhà nước pháp trị

2.1. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và chặt chẽ

Trước khi làm vua, Lê Thánh Tông đã ý thức sâu sắc về cải cách hành chính, nghiên cứu Bắc sử và sử dân tộc, chiêm nghiệm về các câu hỏi tại sao có cuộc cải tổ bộ máy chính quyền nhà Minh; cải cách bộ máy của Hồ Quý Ly hồi đầu thế kỷ IVX, nguyên nhân khiến Lê Thái Tổ lập lại mô hình nhà nước thời Trần?. Trả lời những câu hỏi này để củng cố vững chắc bộ máy nhà nước, giữ vững quyền thống trị, thúc đẩy phát triển đất nước, Lê Thánh Tông chủ trương xây dựng hệ thống pháp luật có tính hệ thống, chặt chẽ, tổ chức biên soạn và ban hành Bộ luật Hồng Đức (1483) gồm 6 quyển, 13 chương với 722 điều. Mặc dù, ra đời trên

nền tảng tư tưởng Nho giáo, Bộ luật Hồng Đức có giá trị pháp lý vượt ra khỏi định kiến thời đó, hướng đến mục tiêu phục vụ người dân, cho quốc gia.

Tính nhân văn và bảo vệ quyền con người. Bộ luật Hồng Đức lần đầu tiên có quy định với nhiều điều khoản bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, điểm nổi bật trong lịch sử pháp luật thời kỳ phong kiến. Chẳng hạn, quy định quyền thừa kế tài sản cho phụ nữ: quyền có tài sản riêng (Điều 376), phân chia tài sản con gái ngang bằng với con trai (Điều 388), gia đình không có con trai con gái có quyền thừa kế hương hỏa (Điều 391); bảo vệ quyền ly hôn khi bị bạo hành hoặc đối xử bất công; quy định bảo vệ tính mạng, danh dự và nhân phẩm phụ nữ trong quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình (Điều 113); hình phạt rất nặng với tội xâm phạm nhân phẩm của phụ nữ (Điều 680); quan lại chịu mức hình phạt rất nặng khi phạm tội cưỡng ép, hiếp dâm bị xử tội lưu đầy hay tội chết cùng với việc nộp tiền tạ cho cha mẹ người con gái (Điều 42), tội này làm phụ nữ bị thương hay bị chết, kẻ phạm tội bị xử nặng hơn tội đánh bị thương người thường một bậc, điền sản bị tịch thu trả cho bên bị thiệt hại (Điều 403), xử phạt nghiêm khắc hành vi gian dâm với trẻ gái dưới 12 tuổi. Quy định bảo vệ người già, chẳng hạn người 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống không bị tra khảo, phạm tội lưu đồ có thể được chuộc tội bằng tiền, người từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống không phải ra làm chứng, nếu bị kết tội tử hình phải tâu lên vua. Người 90 tuổi trở lên và 7 tuổi trở xuống, phạm tội tử cũng không áp dụng hình phạt (Điều 16, 17). Luật Hồng Đức còn có nhiều quy định bảo vệ con người, như người tàn tật, bệnh nặng (Điều 294, 295), quy định bảo vệ người ở tầng lớp dưới trong xã hội, như bảo vệ quyền dân chủ tự do của dân đinh, quy định hình phạt cụ thể chống lại sự nô tỳ hoá đối với dân đinh, không có sự phân biệt về địa vị xã hội và bảo vệ danh dự, nhân phẩm con người (Nhâm Thuý Lan, 2023).

Tính công bằng, bình đẳng trước pháp luật, người phạm tội là quan lại hay dân đinh đều được quy định rõ. Các hình phạt, xét xử được quy định theo mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội với sự rõ ràng về thủ tục tố tụng, quá trình xét xử công bằng, minh bạch, hạn chế sự tùy tiện trong xét xử. Quan lại, quan tòa thực hiện công lý không thiên vị, phải bảo vệ quyền lợi của người dân và sự công bằng xã hội, xử án phải dựa trên chứng cứ được quy định trong pháp luật (Việt Quỳnh, 2024). Tính toàn diện trong xây dựng hệ thống pháp luật còn thể hiện ở việc bảo vệ gia đình, ngăn chặn các hành vi trái đạo đức, đề cao lễ nghĩa, đạo đức trong quan hệ gia đình, giữa các tầng lớp trong xã hội, thể hiện ở nội dung tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, khuyến khích gìn giữ giá trị văn hóa, truyền thống, tôn trọng tín ngưỡng, phong tục tập quán của các dân tộc. Bộ luật thể hiện tính chặt chẽ trong xây dựng nội dung và khả thi trong điều hành nhà nước: về tổ chức bộ máy nhà nước, trách nhiệm, quyền hạn của quan lại. Các điều luật có tính răn đe cao song cũng cho phép áp dụng tình tiết giảm nhẹ với trường hợp đặc biệt. Ngoài ra, còn có quy định về bảo vệ chế độ sở hữu và kinh tế như quyền sở hữu đất đai, lấn chiếm đất công hay chiếm đoạt tài sản của người khác bị xử phạt nặng, khuyến khích phát triển sản xuất, quy định về quân sự, quốc phòng, bảo vệ biên giới được ghi rõ, khẳng định ý thức về chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia. Hệ thống pháp luật không chỉ chú trọng quyền lợi của vua, quan lại mà còn bảo vệ quyền lợi của nhân dân, góp phần tạo dựng bộ máy công quyền vững mạnh, cải cách bộ máy hành chính, nâng cao năng lực thực thi pháp luật, đảm bảo hệ thống công quyền có thể thực hiện đúng đắn các quyết định pháp lý. Đồng thời phát triển lễ nghi và đạo đức xã hội, tạo dựng nền tảng đạo đức vững chắc cho sự ổn định xã hội.

2.2. Lấy pháp luật làm nền tảng cho sự ổn định và phát triển của đất nước, quyền lực nhà nước tuân thủ nghiêm ngặt theo pháp luật

Bối cảnh chính trị và xã hội đương thời đặt ra yêu cầu cấp thiết xây dựng hệ thống pháp luật nghiêm minh, củng cố quyền lực trung ương, bảo đảm trật tự, công bằng làm nền tảng cho sự ổn định và phát triển của đất nước. Với tư duy chiến lược, Bộ luật Hồng Đức đã phản

ánh rõ tư tưởng cai trị đất nước dựa trên pháp luật của Lê Thánh Tông, lấy tinh thần thượng tôn pháp luật làm kim chỉ nam trong quản trị quốc gia. Hệ thống pháp luật không chỉ áp dụng đối với dân chúng mà còn điều chỉnh hành vi của hoàng tộc và quan lại, thiết lập chuẩn mực thống nhất cho mọi hoạt động của bộ máy hành chính. Pháp luật trở thành công cụ trung tâm để minh bạch hóa, chuẩn hóa, tăng cường hiệu quả quản trị nhà nước, đưa pháp trị trở thành trụ cột chính trong cai trị đất nước. Pháp luật là phương tiện điều chỉnh các quan hệ xã hội, nền tảng quan trọng để duy trì trật tự, xây dựng nhà nước vững mạnh, thịnh vượng, bảo vệ lợi ích của các tầng lớp trong xã hội, với tuyên ngôn: “Trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Đặt ra pháp luật là trên để răn dạy quan lại, dưới là để dân chúng trăm họ biết mà thực hiện. Mọi rối loạn đều bắt đầu từ sự rối loạn kỷ cương” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1985, t.2: 292).

Pháp luật là phương tiện để điều chỉnh xã hội, nền tảng để duy trì sự ổn định, xây dựng nhà nước mạnh và thịnh vượng: “Trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Đặt ra pháp luật là trên để răn dạy quan lại, dưới là để dân chúng trăm họ biết mà thực hiện. Mọi rối loạn đều bắt đầu từ sự rối loạn kỷ cương” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1985, t.2: 292). Bên cạnh đó, bối cảnh chính trị, xã hội đương thời đặt ra yêu cầu thiết lập hệ thống pháp luật toàn diện giúp nhà vua củng cố địa vị và quyền lực ở trung ương, bảo đảm trật tự, công bằng, ổn định lâu dài. Quyền lực của nhà vua, quan lại trong triều được đặt trong khuôn khổ pháp luật, không cá nhân hay bộ máy nào có thể vượt qua giới hạn do pháp luật quy định. Tinh thần thượng tôn pháp luật, Lê Thánh Tông củng cố quyền lực nhà nước thông qua việc xây dựng hệ thống pháp luật nghiêm minh để ngăn chặn tình trạng lạm quyền, tham nhũng cũng như hành vi vi phạm khác trong bộ máy hành chính. Mọi quan lại, dù ở cấp bậc cao hay thấp đều chịu sự giám sát và tuân thủ pháp luật. Nhà vua tự xác lập nguyên tắc cai trị dựa trên pháp luật, với sự khẳng định: “Pháp luật là phép tắc của nhà nước, ta và các người đều phải tuân theo, không được làm trái” (Bùi Huy Khiên, 2014). Quy định chặt chẽ dựa trên tinh thần pháp luật cho thấy, không ai đứng trên pháp luật, ngoài pháp luật, vua và mọi quan lại đều tuân theo pháp luật, pháp luật là chân lý cho sự ổn định và phát triển của nhà nước Đại Việt. Tầm nhìn vượt thời gian, tư tưởng Lê Thánh Tông về cai trị đất nước bằng pháp luật, dựa trên tinh thần pháp luật, hoàng tộc, quan lại cho đến người dân đều phải thượng tôn luật pháp: “Đặt luật là để trừ kẻ gian, sao dung được bọn coi thường pháp luật” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1985, t.2: 490).

2.3. *Đề cao đạo đức và trách nhiệm công vụ của quan lại*

Tư tưởng xây dựng nhà nước pháp trị còn tập trung vào việc thiết lập hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, nhấn mạnh vai trò đạo đức của quan lại, yếu tố nhân lõi của nhân cách. Đạo đức của quan lại là nền tảng quan trọng đảm bảo hiệu quả của nhà nước pháp trị. Nhà nước pháp trị chỉ có thể vững mạnh khi quan lại, người thực thi pháp luật hành xử với đạo đức cao cả, quan lại giữ gìn phẩm chất thanh liêm, không lạm dụng quyền lực để trục lợi cá nhân, tận tâm thực hiện nghĩa vụ với nhân dân, quan lại đảm nhận chức vụ càng cao càng phải duy trì phẩm chất đạo đức mẫu mực. Sự suy thoái đạo đức của quan lại làm tổn hại đến bộ máy hành chính, gây rối loạn kỷ cương xã hội “Trăm quan là nguồn gốc của trị, loạn”, “Một nước trị hay hay dở là do ở vua và quan giỏi hay dở...” (Trần Trọng Kim, 1971, tr.40-60). Hành xử chuẩn mực của quan lại góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chính quyền, tạo tấm gương đạo đức, khuyến khích dân chúng noi theo.

Trách nhiệm của quan lại được đề cao, phải thực hiện chức trách nghiêm túc, không được sao nhãng nhiệm vụ hay đùn đẩy trách nhiệm, nhằm đảm bảo hiệu quả quản trị, tính minh bạch trong hoạt động công vụ. Quan lại không hoàn thành trách nhiệm hoặc vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý nghiêm, bất kể địa vị hay chức vụ, người ra làm quan phải đề cao trách nhiệm thực thi công vụ công tâm, khách quan. Chẳng hạn, trong xử phạt, không o ép, bức cung

người khác. “Quan xử án, trong bản bản, chỗ luận tội phải dẫn đủ chánh văn và cách thức của luật định. Làm trái thì xử phạt. Xét xử theo riêng ý mình thì bị biếm một tư. Nếu có thêm bớt thì xử phạt theo luật thêm bớt tội cho người” (Quốc triều hình luật, 1991, Điều 683,). Quy định quan xã có trách nhiệm phải tố cáo lên nếu kẻ tội tở nhà quyền thế ức hiếp dân, quan xã không tố cáo kẻ tội tở nhà quyền thế làm hại dân thì biếm một tư (Quốc triều hình luật, 1991, Điều 269). Để thể hiện trách nhiệm công vụ, năm 1468 vua đã khước từ việc xin dùng tiền để chuộc tội tham tang của của Lê Bô, người có công đưa ông lên ngôi vua: “Nếu cho Lê Bô được chuộc tội có nghĩa là người có quyền thế, người giàu có dùng của hối lộ thì được miễn tội, còn người nghèo hèn thì vô có chịu tội, là cả gan vi phạm phép tắc của tổ tông lập ra để trừng trị kẻ ngoan cố không biết răn chữa. Đại lý tự phải chiếu luật trị tội” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1985, t.2: 523).

Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và thực thi quyền lực nhà nước. Cơ chế kiểm tra, giám sát, xử phạt nghiêm minh, mọi quan lại đều chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhân dân phải phục tùng pháp luật. Việc kiểm soát quyền lực của quan lại, của người đứng đầu như là biện pháp thiết yếu để đảm bảo thực thi pháp luật trên thực tế. Trong thời gian 38 năm trị vì Lê Thánh Tông ban hành 83 sắc chỉ về các công việc hành chính và thể chế quan chức, 10 sắc chỉ quy định kiện tụng, 8 sắc chỉ về quan lại trông coi pháp luật, 11 sắc chỉ về chống tham nhũng, buôn lậu, hối lộ và móc ngoặc cùng nhiều sắc chỉ về các vấn đề hình sự, dân sự (Trương Vĩnh Khang, 2010).

Cơ chế kiểm tra, giám sát được thiết lập chặt chẽ từ triều đình đến địa phương. Hệ thống này kiểm soát hành động của quan lại, các bộ phận trong bộ máy hành chính, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát chéo, đảm bảo sự liên kết, hiệp đồng, kiểm soát lẫn nhau giữa các cấp bậc chính quyền: “Quan to quan nhỏ đều ràng buộc với nhau, chức trọng chức khinh cũng kiềm chế lẫn nhau. Uy quyền không bị lợi dụng, thế nước vậy khó lay. Hình thành thói quen giữ đạo lý, theo pháp luật mà dứt bỏ tội lỗi khinh nhân nghĩa, phạm ngục hình” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1985, t.2: 472). Mặc dù, quyền lực tập trung vào triều đình và vua, nhưng việc giám sát từ phía nhân dân vẫn được khuyến khích bởi dân chúng là nền tảng của quốc gia, công việc của quan lại là phục vụ cho lợi ích của dân, vì vậy cần tạo ra cơ chế kiểm tra và giám sát bởi dân chúng, yếu tố quan trọng trong bảo vệ quyền lợi của người dân. Nguyên tắc này tạo ra hệ thống giám sát lẫn nhau giữa các cấp, tránh lạm dụng quyền lực trong thi hành công vụ.

Bộ máy kiểm tra, giám sát được vận hành qua các cơ quan chuyên trách như Ngự sử đài, Đô sát viện, Bộ Hình, và Lục tự. Đây là cơ quan chuyên trách có tính độc lập cao trong thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát thường xuyên để đảm bảo tính minh bạch, kỷ luật trong cai trị nhà nước. Khi phát sinh các vấn đề nghiêm trọng như tham nhũng hoặc “điểm nóng” tại địa phương, triều đình nhanh chóng cử các đoàn “Kinh lược đại sứ” trực tiếp điều tra, xử lý. Người đứng đầu các đoàn “Kinh lược đại sứ” thường là quan chức có uy tín cao, công tâm, nghiêm minh, qua đó đảm bảo hiệu quả, tính chính đáng trong thực thi quyền lực nhà nước (Bùi Huy Khiên, 2014).

Thực thi chế tài nghiêm ngặt đối với hành vi vi phạm pháp luật của quan lại. Các hình thức xử lý nghiêm khắc được áp dụng, từ khiển trách đến hình phạt nặng hơn với người lạm dụng quyền lực: “Những nhà quyền thế chiếm đoạt nhà cửa ruộng đất, ao đầm của lương dân từ 1 mẫu trở lên thì xử phạt, 5 mẫu trở lên thì xử biếm, quan tam phẩm trở xuống thì xử thêm 2 bậc tội, bồi thường như luật định” (Quốc triều hình luật, 1991, Điều 370, 371). Bản thân vua đã nêu gương sáng về việc xét xử kịp thời, nghiêm minh và công bằng các vụ án, trong 38 năm trị vì nhà vua đã trực tiếp xử gần gần 30 vụ các quan lại phạm luật hành chính và hình sự, gồm 8 vụ tham nhũng, hối lộ, 3 vụ tiền cử sai, 3 vụ khai man tập ẩm và thuyên chuyển quan lại không minh bạch, 2 vụ quan lại dung túng cho người nhà và thuộc lại làm cản, số còn lại về việc quan cố ý làm sai hoặc thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng,

trong số gần 30 vụ đó có 4 thượng thư, 2 đô đốc và nhiều quan to trong triều với đủ các mức án khác nhau, từ quở trách, biếm, giáng chức, thu lại bằng sắc, đánh trượng, thịch chữ vào trán, đày đi châu xa và cả tử hình (Trương Vĩnh Khang, 2010), củng cố niềm tin của nhân dân, sự quyết liệt của chính quyền.

3. Vận dụng tư tưởng lãnh đạo của Lê Thánh Tông nhằm hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng và vận hành hệ thống pháp luật với chế tài mạnh, nghiêm minh. Bộ luật Hồng Đức đã thiết lập chế tài mạnh mẽ, khẳng định vai trò tối thượng của pháp luật trong cai trị đất nước. Từ nhà vua đến người dân không ai được phép đứng trên pháp luật, kể cả những người nắm giữ quyền lực cao nhất. Tư tưởng thượng tôn pháp luật đặt nền móng cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền, pháp luật được xem là công cụ tối cao trong việc cai trị và điều hành xã hội. Bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước đã và đang nỗ lực xây dựng hệ thống pháp luật công bằng, minh bạch, đồng bộ, dễ tiếp cận, nhằm bảo vệ quyền con người cũng như lợi ích hợp pháp của nhân dân. Pháp luật là phương tiện điều chỉnh hành vi xã hội, cơ chế bảo vệ quyền lợi chính đáng và tiếng nói của người dân trong các quyết định chính sách. Đặt lợi ích của nhân dân làm trọng tâm, hướng tới việc đảm bảo các quyền lợi, nghĩa vụ của người dân rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách.

Quan điểm của Đảng nhấn mạnh việc xây dựng pháp luật phải bảo đảm tính công khai, ổn định, minh bạch, phù hợp với các giá trị xã hội. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa “của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” dưới sự lãnh đạo của Đảng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1: 174). Đảng đã khẳng định: “nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, bảo đảm tốt hơn tính dân chủ, pháp chế, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật” (Ban Chấp hành Trung ương, 2005). Mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật để điều chỉnh xã hội, phản ánh và đáp ứng giá trị, nhu cầu, kỳ vọng của nhân dân.

Tư tưởng Lê Thánh Tông về kiểm soát quyền lực, giám sát quan lại, chống tham nhũng là bài học có giá trị sâu sắc trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền hiện đại. Dưới triều đại của ông, sự minh bạch, trách nhiệm được thể hiện rõ thông qua các quy định chặt chẽ về kiểm tra, giám sát, chế tài nghiêm minh với hành vi sai phạm trong bộ máy hành chính. Trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, việc thiết lập các thiết chế giám sát mạnh mẽ, cùng với cơ chế xử lý vi phạm minh bạch, nghiêm minh là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính công bằng, kỷ cương, sự tin tưởng của nhân dân. Tinh thần pháp luật được nhấn mạnh trong Bộ luật Hồng Đức, mọi cá nhân, bất kể địa vị, chức vụ, đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật, thể hiện nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, nguyên lý cơ bản trong xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay. Bình đẳng trước pháp luật không chỉ ngăn chặn việc lạm dụng quyền lực mà còn đảm bảo không ai đứng trên hoặc đứng ngoài pháp luật (Vũ Trọng Lâm, 2020). Tư tưởng này tạo cơ sở để xây dựng bộ máy nhà nước minh bạch, trách nhiệm, hoạt động vì lợi ích chung của xã hội, góp phần củng cố lòng tin của người dân vào hệ thống pháp luật và chính quyền.

Thứ hai, thiết lập và vận hành bộ máy hành chính hiệu lực, hiệu quả. Dưới triều Lê Thánh Tông, công cuộc cải cách hành chính được thực hiện toàn diện, tạo ra bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Đây là nền tảng cốt lõi cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Các cấp chính quyền được tổ chức lại khoa học và chặt chẽ, kết hợp với việc tổ chức các kỳ khoa cử nghiêm ngặt nhằm tuyển chọn những cá nhân vừa có đức vừa có tài để đảm nhiệm các vị trí trong bộ máy hành chính. Trong xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, tư tưởng cải cách hành chính của Lê Thánh Tông vẫn giữ nguyên giá trị thời sự. Nghị quyết số

18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017, về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (Ban Chấp hành Trung ương, 2017) đặt trọng tâm vào cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy nhà nước theo hướng hiện đại, linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

Thiết lập cơ chế đánh giá trách nhiệm và tính minh bạch trong hoạt động công vụ. Xây dựng cơ chế nhằm xác định và đánh giá mức độ trách nhiệm cũng như tính minh bạch trong hoạt động của cán bộ, công chức được Đảng xác định là yếu tố then chốt trong công cuộc xây dựng cán bộ, công chức, viên chức có năng lực và bản lĩnh. Theo đó, Đảng đặt ra yêu cầu cụ thể: hành động vì lợi ích của đất nước và nhân dân, không mưu cầu lợi ích cá nhân, tận tâm và tận lực trong thực hiện nhiệm vụ công vụ. Cán bộ, công chức phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức về các quyết định, kết quả công việc của mình, kể cả trong trường hợp có sai phạm. Thực hiện tốt các yêu cầu này cần thiết lập chế tài, tiêu chí cụ thể để đánh giá và xử lý vi phạm, qua đó phát huy vai trò nêu gương trong cán bộ, công chức (Đảng Cộng sản Việt Nam, t.1, 2021). Các nội dung này được nhấn mạnh trong quy định của Đảng, song hệ thống pháp luật, như Luật Cán bộ, công chức (Văn phòng Quốc hội, 2019), một số điều vẫn mang tính chất trung tính, như quy định nghĩa vụ (Điều 8, 9, 10), các hành vi cán bộ, công chức không được phép làm (Điều 18, 19, 20) mang tính khuyến nghị là chủ yếu, chưa có chế tài tạo ra sự ràng buộc pháp lý trong việc đảm bảo trách nhiệm của cán bộ, công chức. Để nâng cao hiệu quả điều hành nhà nước, xây dựng cán bộ, công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, cần bổ sung, hoàn thiện chế tài, tiêu chí đánh giá chi tiết hơn, minh bạch hóa hoạt động công vụ, thúc đẩy tính trách nhiệm, kỷ luật trong cán bộ, công chức để có thể xây dựng nhà nước pháp quyền hiện đại.

Ba là, thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế trách nhiệm của người đứng đầu. Thiết lập cơ chế chịu trách nhiệm mạnh mẽ với người đứng đầu được xem là nhân tố quyết định trong xây dựng bộ máy hành chính. Không chỉ dừng lại ở việc răn dạy quan lại, bản thân nhà vua là tấm gương đạo đức sáng ngời về sự tuân thủ kỷ cương, phép nước, không cho phép mình đứng trên hay làm trái pháp luật. Sự tự giác này củng cố tinh thần pháp quyền, trở thành chuẩn mực cho quan lại, thần dân noi theo, pháp luật được thiết lập chặt chẽ, đảm bảo quan lại giữ được phẩm hạnh liêm chính, không tham nhũng và tận tâm phục vụ nhân dân, lấy đó làm nguyên tắc cốt lõi cho người làm quan (Cao Phan Giang, 2024). Trong bối cảnh hiện nay, tiếp tục hoàn thiện tiêu chí đánh giá vị trí việc làm, thiết lập và thực thi nghiêm ngặt các quy định với người đứng đầu là điều cần thiết. Luật Cán bộ, công chức (Văn phòng Quốc hội, 2019) tại Điều 10 đã quy định rõ nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu, bao gồm: chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cũng như kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thi hành công vụ. Bên cạnh đó, Đảng đã ban hành quy định liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu, tuy nhiên hiện vẫn chủ yếu dừng lại ở thí điểm giao quyền và trách nhiệm trong công tác cán bộ (Ban Chấp hành Trung ương, 2024). Điều này đòi hỏi cần thiết lập cơ chế kiểm soát, đánh giá hiệu quả hơn, phạm vi bao phủ rộng hơn cùng với quy định nghiêm ngặt hơn về trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương.

Vận dụng từ tư tưởng Lê Thánh Tông, cơ chế này không chỉ áp dụng đối với người đứng đầu ở mọi cấp bậc, từ trung ương đến địa phương, mà còn mở rộng đến cả những cá nhân tiến cử hoặc giới thiệu nhân sự vào bộ máy nhà nước. Như vậy, sẽ góp phần xây dựng nền hành chính hiệu quả, liêm chính, minh bạch, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Thiết lập và thực thi mạnh mẽ cơ chế phòng, chống tham nhũng với sự nghiêm khắc. Lê Thánh Tông xem tham nhũng là tội ác nghiêm trọng, có tác động tiêu cực trên nhiều phương diện của xã hội, ông đã triển khai nhiều biện pháp kiên quyết để loại bỏ tệ nạn này, coi đó là yếu tố then chốt để đảm bảo thành công trong

công cuộc cải cách. Nhà vua nhấn mạnh với các quan lại trong triều: “Làm quan mà tham nhũng thì dân ai oán, đem khí dữ trái khí hoà, mỗi tề này phải kiên quyết loại bỏ” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1985, t.2: 350). Trong bối cảnh hiện tại của Việt Nam, Luật Phòng, chống tham nhũng (năm 2018) yêu cầu cán bộ, công chức công khai tài sản và thu nhập, tuy nhiên các chế tài liên quan vẫn thiếu tính quyết liệt, dẫn đến tình trạng nghiêm minh trong xử lý vi phạm chưa đảm bảo, khiến cho việc cải thiện chỉ số tham nhũng diễn ra chậm. Theo Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI), Việt Nam đạt 41 điểm trong năm 2023, xếp hạng 83 trong số 180 quốc gia, trong khi điểm trung bình của khu vực châu Á - Thái Bình Dương là 45 điểm (Statista Research Department, 2024). Thiết chế, chế tài phòng, chống tham nhũng chưa hoàn chỉnh, do đó công tác phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng còn phải vận dụng đến quy định của Đảng. Vì vậy, phải hoàn thiện hơn nữa cơ chế pháp lý, tăng cường biện pháp kiểm soát, phòng và chống tham nhũng để đạt được hiệu quả cao hơn.

Bốn là, thúc đẩy vai trò của nhân dân trong quá trình dân chủ hoá đời sống chính trị. Lê Thánh Tông khẳng định vai trò trung tâm của nhân dân trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước, “dân là gốc nước”. Trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay, Đảng đã đề ra phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, t.1, 2021, tr.173), qua đó khẳng định tầm quan trọng của việc nhân dân tham gia vào các quá trình chính trị và quyết định xã hội. Cơ chế giám sát của nhân dân hiện nay chủ yếu vận hành qua hai hình thức: dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tuy nhiên, do hạn chế về nhận thức và năng lực tiếp cận thông tin, người dân gặp khó khăn trong việc thực thi quyền giám sát và chưa tham gia hiệu quả vào các hoạt động chính trị. Vì vậy, để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần tiếp tục cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành những quy định chi tiết và rõ ràng về công tác kiểm tra, giám sát của nhân dân, tăng cường và phát huy bản chất dân chủ, văn minh, tiến bộ của nhà nước pháp quyền, trong đó quyền lực thực sự thuộc về nhân dân.

Năm là, xây dựng và thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát với người có chức vụ, quyền hạn. Lê Thánh Tông thiết lập và vận hành hệ thống giám sát chặt chẽ từ trung ương đến địa phương với chế tài rõ ràng. Hệ thống này còn chú trọng đến việc giám sát lẫn nhau giữa các chức quan. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, các cơ quan giám sát có mặt ở nhiều cấp độ từ trung ương đến cấp tỉnh, huyện, gồm cơ quan giám sát của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan tư pháp. Tuy nhiên, hoạt động của các cơ quan này vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, ví dụ điển hình là các vụ vi phạm pháp luật của người đứng đầu cấp tỉnh trong cơ quan Đảng, chính quyền, nhưng chỉ được phát hiện khi có sự kiểm tra của các cơ quan kiểm tra Trung ương Đảng. Do đó, cần tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp lý liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu, đặc biệt là các luật như Luật Phòng, chống tham nhũng (2018), Luật Cán bộ, công chức (2019) và Luật Viên chức (2019). Đồng thời, thực thi mạnh mẽ nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, bất kỳ ai, dù ở vị trí nào đều phải chịu trách nhiệm nếu vi phạm pháp luật, như cách Lê Thánh Tông đã thực hiện trong lịch sử với biện pháp “khảo thí” và “khảo khoá” quan lại định kỳ, nhằm củng cố hoạt động kiểm tra, giám sát, nâng cao tính minh bạch trong bộ máy nhà nước.

4. Kết luận

Giá trị trong tư tưởng pháp trị của Lê Thánh Tông có thể được kế thừa và vận dụng trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Các nguyên tắc lãnh đạo minh bạch, công bằng, sự nghiêm minh trước pháp luật, cùng với việc xây dựng và thực thi pháp luật vì quyền lợi của nhân dân góp phần tạo nên hệ thống pháp luật vững mạnh. Những giá trị này thúc đẩy hiệu quả trong điều hành nhà nước và bảo đảm sự hài hòa giữa chính quyền và người dân, củng cố nền tảng pháp lý, tăng cường tính minh bạch trong

bộ máy nhà nước. Mặc dù Lê Thánh Tông áp dụng mô hình tập trung quyền lực vào triều đình và bản thân nhà vua, góp phần tăng cường hiệu lực lãnh đạo, nhưng đồng thời cũng hạn chế quyền tự chủ của các địa phương, giảm khả năng linh hoạt trong ứng phó với các tình huống cụ thể của từng vùng. Hệ thống pháp luật dưới thời Lê Thánh Tông thiếu sự linh hoạt và mềm dẻo, dẫn đến sự cứng nhắc trong việc áp dụng pháp luật tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau. Dù nhấn mạnh nguyên tắc “lấy dân làm gốc”, nhưng hệ thống cai trị chưa thực sự trao quyền tự quyết hay sự tham gia thực chất của người dân vào các quyết sách của nhà nước. Quyền lực chủ yếu tập trung trong tay tầng lớp thống trị, trong khi người dân chịu sự chi phối nặng nề của luật pháp, nghĩa vụ lao động và thuế khóa. Nghiên cứu tư tưởng xây dựng nhà nước pháp trị của Lê Thánh Tông mang lại nhiều hiểu biết và kinh nghiệm trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước, tạo nền tảng tư tưởng cho công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2005). *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2017). *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2024). *Quy định số 142-QĐ/TW ngày 23/4/2024 thi điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ*.
- Bùi Huy Khiên. (05/06/2014). Những bài học kinh nghiệm từ hai cuộc cải cách hành chính dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh. *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*. https://tcnn.vn/news/detail/5662/Nhung_bai_hoc_kinh_nghiem_tu_hai_cuoc_cai_cach_hanh_chinh_duoi_trieu_vua_Le_Thanh_Tong_va_vua_Minh_hall.html
- Cao Phan Giang. (01/08/2024). Tư tưởng chính trị thân dân của Lê Thánh Tông và ý nghĩa đối với hiện nay. *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*. <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-chinh-tri-than-dan-cua-le-thanh-tong-va-y-nghia-doi-voi-hien-nay-6268.html>
- Đại Việt sử ký toàn thư. (1985). Nxb. Khoa học xã hội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nhâm Thuý Lan. (04/04/2023). Bảo vệ nhóm yếu thế trong Bộ luật Hồng Đức và một vài giá trị tham khảo. *Tạp chí tòa án nhân dân điện tử*. <https://tapchitoaan.vn/bao-ve-nhom-%C2%A0yeu-the-trong-bo-luat-hong-duc-va-mot-vai-gia-tri-tham-khao8289.html>.
- Phạm Thị Hồng Đào. (22/03/2017). Tính nhân đạo của Bộ luật Hồng Đức với sự hoàn thiện Bộ luật hình sự năm 2015. *Tạp chí điện tử Kiểm sát*. <https://kiemsat.vn/tinh-nhan-dao-cua-bo-luat-hong-duc-voi-su-hoan-thien-bo-luat-hinh-su-nam-2015-46745.html>
- Quốc hội. (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng*. Luật số 36/2018/QH14.
- Quốc triều hình luật. (1991). Nxb. Pháp lý.
- Statista Research Department. (2024). Corruption Perceptions Index of Vietnam from 2012 to 2023. Statista. <https://www.statista.com/statistics/962419/vietnam-corruptions-perceptions-index/>
- Trần Trọng Kim. (1971). *Nho giáo (quyển thượng)*. Nxb. Bộ Giáo dục.
- Trương Vĩnh Khang. (2010). Sự kết hợp giữa pháp trị, đức trị và tục lệ trong cai trị đất nước, quản lý xã hội dưới triều Lê Thánh Tông. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*. Số 3.
- Văn phòng Quốc hội. (2019). *Luật Cán bộ, công chức*. số 25/VBHN-VPQH.
- Việt Quỳnh. (07/04/2024). Vua Lê Thánh Tông và cuộc đại cải cách giúp vương triều cực thịnh, *Pháp luật Việt Nam*. <https://baophapluat.vn/vua-le-thanh-tong-va-cuoc-dai-cai-cach-giup-vuong-trieu-cuc-thinh-post508791.html>
- Vũ Trọng Lâm. (3/7/2020). Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội là tất yếu khách quan. https://www.tapchicongsan.org.vn/en/web/guest/tieu-kiem1/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/dang-cong-san-viet-nam-lanh-dao-nha-nuoc-va-xa-hoi-la-tat-yeu-khach-quan